

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 06 / 2022Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021002	Huỳnh Trung Hào	11/07/2003	Nam	9.0	5,5	7,3	001			
2	116021004	Đoàn Thị Thanh Hương	17/09/2003	Nữ	9.7	4,5	7,1	002			
3	116021009	Phạm Thị Thu Truyền	15/06/2003	Nữ	9.2	7,3	8,3	003			
4	116021011	Thạch Trung Hiếu	11/02/2003	Nam	9.9	6,0	8,0	004			
5	116021013	Dương Gia Thịnh	22/12/2003	Nam	8.8	4,5	6,7	013			
6	116021016	Trần Thị Cẩm Hương	22/03/2003	Nữ	8.5	7,8	8,2	006			
7	116021020	Võ Ánh Thy	12/10/2003	Nữ	8.9	5,3	7,1	007			
8	116021032	Trần Ngọc Thuận	05/02/2003	Nam	9.8	7,5	8,7	008			
9	116021034	Đặng Văn Công	14/12/2003	Nam	10.0	7,3	8,7	009			
10	116021055	Bùi Nguyễn Việt Hương	02/06/2003	Nữ	10.0	4,3	7,2	010			
11	116021063	Trần Trung Nguyên	03/03/2003	Nam	9.8	6,5	8,2	011			
12	116021064	Danh Thị Bích Trâm	19/01/2003	Nữ	7.9	4,8	6,4	012			
13	116021068	Thị Kim Ngân	08/03/2002	Nữ	7.7	5,8	6,8	013			
14	116021073	Hồ Anh Kiệt	06/12/2003	Nam	9.1	6,8	8,0	014			
15	116021075	Đỗ Quốc Huy	09/08/2003	Nam	8.5	4,0	6,3	015			
16	116021076	Trần Ngọc Yến Nhi	07/02/2003	Nữ	9.8	5,3	7,6	016			
17	116021078	Trần Tú Khanh	09/12/2003	Nữ	8.9	5,5	7,2	017			
18	116021088	Nguyễn Thị Trúc Hương	25/10/2003	Nữ	8.6	5,5	7,1	018			
19	116021091	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/05/2003	Nữ	8.6	6,3	7,5	019			
20	116021102	Phan Ngọc Thiên	22/08/2003	Nam	8.6	5,8	7,2	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Phan Văn CaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....28...../.....6...../2022

Phòng thi:.....D7.1.10.6.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116021120	Nguyễn Trọng Hiếu	10/10/2003	Nam	9.5	5,0	7,3	001	<i>[Signature]</i>		
2	116021149	Lâm Thập Hiệp	15/11/2003	Nam	8.9	6,5	7,7	002	<i>[Signature]</i>		
3	116021163	Huỳnh Nguyên Gia Hân	26/07/2003	Nữ	10.0	7,5	8,8	003	<i>[Signature]</i>		
4	116021164	Nguyễn Lê Minh	22/12/2003	Nam	9.7	5,5	7,6	004	<i>[Signature]</i>		
5	116021170	Võ Thị Huyền Như	23/09/2003	Nữ	10.6	7,5	8,8	005	<i>[Signature]</i>		
6	116021174	Nguyễn Phan Tâm Gia	09/12/2003	Nam	8.9	5,8	7,4	006	<i>[Signature]</i>		
7	116021177	Nguyễn Thanh Nhân	04/12/2003	Nam	8.7	5,8	7,3	007	<i>[Signature]</i>		
8	116021181	Nguyễn Phương Thắng	10/01/2003	Nam	10.0	7,3	8,7	008	<i>[Signature]</i>		
9	116021189	Nguyễn Thị Vân Anh	16/10/2003	Nữ	9.6	7,8	8,7	009	<i>[Signature]</i>		
10	116021203	Dương Quốc Đại	17/02/2003	Nam	9.1						Vắng
11	116021217	Trần Đức Hào	23/04/2003	Nam	8.7	7,0	7,9	011	<i>[Signature]</i>		Vắng
12	116021222	Nguyễn Tấn Đạt	04/05/2003	Nam	8.7						Vắng
13	116021224	Nguyễn Anh Hào	27/09/2003	Nam	9.5	6,5	8,0	013	<i>[Signature]</i>		
14	116021229	Nguyễn Hồng Như	13/02/2003	Nữ	9.7	6,0	7,9	014	<i>[Signature]</i>		
15	116021239	Phan Anh Lộc	10/10/2003	Nam	8.9	7,5	8,2	015	<i>[Signature]</i>		
16	116021329	Trương Thị Kim Phượng	21/12/2002	Nữ	7.7	5,0	6,4	016	<i>[Signature]</i>		
17	116021332	Đoàn Thị Mỹ Xuyên	01/01/2002	Nữ	8.9	6,5	7,7	017	<i>[Signature]</i>		
18	116021339	Đỗ Phạm Trúc Quỳnh	30/04/2003	Nữ	9.2	6,3	7,8	018	<i>[Signature]</i>		
19	116021340	Nguyễn Khánh Tam	08/05/2003	Nam	8.9	5,0	7,0	019	<i>[Signature]</i>		
20	116021341	Châu Bảo Trân	22/05/2003	Nữ	9.4	4,5	7,0	019	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:18.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....18.....

Tổng số tờ:.....18.....

Cán bộ coi thi 1:.....

[Signature] Lê Thị Thủy Dương

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 02..... tháng 8..... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

[Signature] Tôn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

[Signature] Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trao đổi

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/6/2022

Phòng thi: 1771.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116021345	Lâm Thúy Trân	23/09/2003	Nữ	8,8	8,0	8,4		<u>Mina</u>		
2	116021346	Trương Ngọc Hân	15/08/2003	Nữ	8,5	7,3	7,9		<u>Phong</u>		
3	116021348	Lê Quốc Trường	10/11/2003	Nam	8,9	7,3	8,1		<u>Ph</u>		
4	116021351	Bùi Nguyễn Phương Anh	25/10/2003	Nữ	9,5	8,3	8,9		<u>Ph</u>		
5	116021352	Nguyễn Tấn Lợi	01/09/2003	Nam	9,1	8,0	8,6		<u>Linh</u>		
6	116021355	Phan Chí Nguyên	22/03/2003	Nam	9,8	8,5	9,1		<u>Ph</u>		
7	116021356	Phạm Huỳnh Hữu Luân	07/05/2003	Nam	7,5	6,5	7,0		<u>Luan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 07

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

28/6
ĐH.103

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 6 / 22

Phòng thi: DH.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021006	Trần Ngọc Hiếu	28/02/2002	Nam	9.4	7,0	8,2	001	Th		
2	116021007	Phạm Chí Bảo	11/06/2003	Nam	9.6	7,5	8,6	002	Ph		
3	116021008	Lê Văn Phúc	21/04/2003	Nam	8.9	6,8	7,9	003	Phu		
4	116021019	Phạm Quốc Thịnh	20/09/2003	Nam	9.8	5,5	7,7	004	Thinh		
5	116021023	Trần Nguyễn Hoàng Kim	03/08/2003	Nữ	8.9	5,8	7,4	005	Ly		
6	116021036	Bùi Ngọc Anh Văn	08/12/2003	Nữ	9.7	6,0	7,9	006	Van		
7	116021040	Đoàn Thị Xuân Mai	06/03/2003	Nữ	9.9	6,8	8,4	007	Mai		
8	116021041	Nguyễn Huỳnh Đô	30/04/2002	Nam	8.6	4,3	6,5	008	Do		
9	116021046	Nguyễn Ngọc Trâm	10/01/2002	Nữ	10.0	6,5	8,3	009	Tram		
10	116021048	Đỗ Ngọc Duyên	24/10/2002	Nữ	8.7	6,5	7,6	010	Do		
11	116021052	Trương Khánh Văn	25/05/2001	Nam	10.0	6,5	8,3	011	Phu		
12	116021067	Nguyễn Mỹ Ngân	30/10/2003	Nữ	9.1	5,3	7,2	012	Ng		
13	116021074	Bùi Xuân Vũ	24/11/2003	Nam	9.5	5,5	7,5	013	Wu		
14	116021081	Trịnh Đức Anh	19/05/2003	Nam	7.9	5,3	6,6	014	Anh		
15	116021082	Châu Nguyễn Tường Vy	06/04/2003	Nữ	10.0	8,3	9,2	015	Chau		
16	116021095	Trần Thị Hoàng Oanh	26/02/2003	Nữ	8.9	6,3	7,6	016	Oanh		
17	116021100	Quảng Nữ Hằng Nga	07/07/2003	Nữ	8.1	5,5	6,8	017	Ng		6,8
18	116021107	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/12/2003	Nữ	8.7	6,5	7,6	018	Ng		
19	116021108	Cao Vãng Diễm Thanh	17/03/2003	Nữ	9.8	7,0	8,4	019	Thanh		
20	116021116	Trần Minh Thuận	26/11/2003	Nam	10.0	7,5	8,8	020	Minh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Trần Phước Hữu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 6 / 2022Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116021121	Đặng Quốc Huy	18/05/2003	Nam	8.5	6.3	7.4	001			
2	116021141	Phạm Xuân Huỳnh	01/01/2003	Nữ	8.5	6.0	7.3	002			
3	116021159	Bùi Ngọc Thanh Xuân	17/05/2003	Nữ	9.3	7.0	8.2	003			
4	116021160	Dương Minh Trâm Anh	21/01/2003	Nữ	10.0	8.0	9.0	004			
5	116021167	Hồ Nhật Duy	20/10/2003	Nam	8.6	6.3	7.5	005			
6	116021182	Trần Hồng Chương	04/10/2003	Nam	10.0	8.0	9.0	006			
7	116021185	Nguyễn Bùi Trúc Linh	20/06/2003	Nữ	9.1	7.5	8.3	007			
8	116021196	Trương Gia Lạc	11/07/2003	Nam	9.1	6.3	7.7	008			
9	116021197	Trần Minh Thuận	23/11/2002	Nam	10.0	7.3	8.7	009			
10	116021209	Diệp Thanh Thuận	27/05/2003	Nam	9.5	7.8	8.7	010			
11	116021211	Dương Thị Kim Yến	10/01/2003	Nữ	8.2	6.5	7.4	011			
12	116021216	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/04/2003	Nữ	8.1	5.8	7.0	012			
13	116021221	Lê Ngọc Diễm	23/04/2003	Nữ	8.7	6.0	7.4	013			
14	116021223	Lê Phương Đình	20/01/2003	Nữ	8.6	6.5	7.6	014			
15	116021232	Trương Thị Huyền Trân	09/11/2003	Nữ	8.5	7.3	7.9	015			
16	116021338	Huỳnh Vương Tố Trân	27/09/2003	Nữ	9.3						Vắng
17	116021349	Phan Thái Duy	05/01/2003	Nam	9.5	8.3	8.9	017			
18	116021354	Võ Thị Ngọc Tuyền	21/05/2003	Nữ	9.8	6.0	7.9	018			
19	116021357	Lê Thị Thu Ngân	23/05/2002	Nữ	8.3	6.3	7.3	019			
20	116021360	Phạm Đỗ Thiên Ân	22/04/2003	Nữ	9.3	5.8	7.6	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19...Tổng số tờ: 19...Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022Cán bộ coi thi 1: Trần Văn KiệtCán bộ ghi điểm: Son Pôn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/6/2022Phòng thi: B2.1.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021368	Trần Minh Quang	13/11/2003	Nam	8.3	6.3	7.3		<u>Quang</u>		
2	116021369	Nguyễn Quang Nhã	15/01/2003	Nam	8.7	6.8	7.8		<u>Nhã</u>		
3	116021375	Chiêm Hoàng Minh	09/05/2003	Nam	9.4	6.8	8.1		<u>Minh</u>		
4	116021376	Phan Yến Ngọc	21/12/2003	Nữ	8.9	5.8	7.4		<u>Ngọc</u>		
5	116021377	Đào Thị Ngọc Lan	30/03/2003	Nữ	9.8	5.5	7.7		<u>Lan</u>		
6	116021378	Trương Thuỳ Như	26/05/2003	Nữ	8.7	6.3	7.5		<u>Như</u>		7.5
7	116021379	Phan Hoàng Minh	17/01/2003	Nam	8.9	6.0	7.5		<u>Minh</u>		
8	116021380	Nguyễn Hồng Ngọc	06/12/2002	Nữ	8.3	5.8	7.1		<u>Ngọc</u>		
9	116021381	Nguyễn Ân Thiên	12/06/2003	Nam	8.1	5.0	6.6		<u>Thiên</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09Tổng số tờ: 09Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Ykhánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YHDPB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 6 / 2022Phòng thi: D71-107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321010	Đặng Hoàng Khang	28/08/2003	Nam	7.3	4,3	5,8	002	<i>Khang</i>		
2	118321015	Huỳnh Ngọc Yến Ngân	13/02/2003	Nữ	6.5	5,0	5,8	003	<i>ngân</i>		
3	118321037	Huỳnh Kim Thoa	16/09/1992	Nữ	—	—	—	—	—		
4	118321054	Bùi Minh Thuận	11/03/2003	Nam	7.5	5,5	6,5	005	<i>Minh</i>		
5	118321056	Nguyễn Phú Sĩ	09/01/2003	Nam	6.6	6,8	6,7	006	<i>Phu</i>		
6	118321059	Lương Thị Yến Phương	15/04/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
7	118321065	Nguyễn Thị Kiều Trang	02/08/1990	Nữ	—	—	—	—	—		
8	118321070	Nguyễn Quang Triết	10/08/2003	Nam	7.9	4,8	6,4	009	<i>Triết</i>		
9	118321076	Nguyễn Ngọc Đẹp	25/04/1987	Nữ	6.1	5,0	5,6	010	<i>Đẹp</i>		
10	118321078	Lương Thị Trúc Phương	27/02/1993	Nữ	7.4	5,0	6,2	011	<i>Trúc</i>		
11	118321081	Nguyễn Hồng Bằng	19/10/1990	Nam	8.3	5,8	7,1	012	<i>Bằng</i>		
12	118321083	Đổng Nguyễn Thành Trung	11/02/2003	Nam	7.3	5,3	6,3	013	<i>Trung</i>		
13	118321085	Phạm Quốc Anh	28/02/1994	Nam	6.5	—	—	—	—		
14	118321087	Mai Thị Nữ	26/03/1990	Nữ	7.3	4,5	5,9	015	<i>Nữ</i>	0	
15	118321093	Trần Thị Cẩm Tiên	20/05/1994	Nữ	5.9	5,0	5,5	016	<i>Tiên</i>		
16	118321096	Lê Hải Yến	05/02/2003	Nữ	6.3	4,5	5,4	017	<i>Yến</i>		
17	118321097	Lâm Trung Xuyên	19/09/1993	Nam	—	—	—	—	—		
18	118321098	Lê Chí Khang	25/09/2003	Nam	—	—	—	—	—		
19	118321105	Nguyễn Hoài Trúc	31/03/2002	Nam	—	—	—	—	—		
20	118321112	Lương Phương Thảo	11/06/2002	Nữ	7.3	4,8	6,1	021	<i>Thảo</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn VĩnhCán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YHDPB
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28 / 06 / 2022
Phòng thi: ĐT1-110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh cat
1	118321119	Nguyễn Nhật Hằng	08/11/2003	Nữ	7,7	5,0	6,4	001	<u>hnh</u>		
2	118321120	Danh Mỹ Hoa	16/02/2003	Nữ	8,9	5,5	7,2	002	<u>shv</u>		
3	118321124	Châu Thái Bình	30/03/2003	Nam	6,1	3,8	5,0	003	<u>Bj</u>		
4	118321128	Trương Thị Cẩm Ngân	25/05/2003	Nữ	6,5	6,0	6,3	004	<u>ngan</u>		
5	118321129	Sơn Thị Thu Thắm	19/01/2002	Nữ	8,7	5,8	7,3	005	<u>thth</u>		
6	118321130	Giáp Thị Vàng Anh	09/01/2003	Nữ	6,5	5,5	6,0	006	<u>va</u>		
7	118321131	Nguyễn Duy Khánh	05/04/2003	Nam	7,3	6,5	6,9	007	<u>kd</u>		
8	118321134	Nguyễn Ngọc Trúc Nguyên	10/02/2003	Nữ	7,9	4,5	6,2	008	<u>nguyen</u>		
9	118321135	Lê Thanh Thiên	16/10/1990	Nam	—	—	—	—	—		vay
10	118321136	Trần Lê Trung Kiên	09/12/2003	Nam	8,7	4,5	6,6	010	<u>km</u>		
11	118321137	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/10/2003	Nữ	6,9	3,8	5,4	011	<u>trang</u>		
12	118321138	Lê Thị Thanh Mỹ	16/01/2002	Nữ	9,2	7,0	8,1	012	<u>thmy</u>		
13	118321139	Phan Thị Thúy Liễu	13/03/2003	Nữ	8,1	6,5	7,3	013	<u>thly</u>		
14	118321144	Nguyễn Thị Kim Đan	20/11/1998	Nữ	7,2	5,8	6,5	014	<u>kd</u>		
15	118321145	Lê Hoàng Phúc	21/09/1993	Nam	8,3	7,5	7,9	015	<u>ph</u>		
16	118321146	Vũ Nhật Khánh	09/10/1990	Nam	7,3	3,5	5,4	016	<u>kh</u>		
17	118321148	Lê Thành Trung	01/10/1991	Nam	7,1	4,3	5,7	017	<u>tr</u>		
18	118321151	Bùi Trúc Phương	30/10/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	018	<u>ph</u>		
19	118321152	Nguyễn Thị Kiều Tiên	20/12/1997	Nữ	6,3	5,3	5,8	019	<u>kt</u>		
20	118321153	Nguyễn Ý Phi	23/08/1993	Nữ	—	—	—	—	—		vay

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: ngall Nguyễn Thị Tuyết Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: ngall

Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: ph

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (67 -)/DA21YHDPB
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/06/2022
Phòng thi: 071.10.8

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321156	Ngô Ngọc Xuân	Anh	23/02/2003	Nữ	8.1	5.8	7.0	001	<u>Đu</u>	
2	118321158	Đoàn Thị Mỹ	Tâm	18/07/2003	Nữ	6.9	5.8	6.4	002	<u>Ng</u>	
3	118321159	Kim Ngọc Vân	Ý	02/05/2003	Nữ	6.5					Vắng
4	118321162	Phạm Văn	Soàn	1991	Nam						Vắng
5	118321163	Bùi Thúy	Liên	13/06/2003	Nữ	5.5	3.8	4.7 ⁸⁸	005	<u>L</u>	4.7
6	118321167	Bùi Cao Bảo	Hân	29/07/2003	Nữ	7.9	4.8	6.4 ⁸⁸	006	<u>Hau</u>	6.4
7	118321169	Thân Trung	Hiếu	13/03/2003	Nam						Vắng
8	118321172	Nguyễn Lê Trọng	Phúc	08/10/2003	Nam	8.3	4.3	6.3	008	<u>Ph</u>	
9	118321173	Nguyễn Lê Đại	Ngọc	10/01/2003	Nữ	7.7	5.5	6.6	009	<u>Ng</u>	
10	118321176	Lê Thị Diễm	Trình	03/05/1992	Nữ	7.5	3.0	5.3	010	<u>L</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 7

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 7

Tổng số tờ: 7

Cán bộ coi thi 1: Đinh Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 02 tháng 08 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (67 -)/DA20YKI

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Tự luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....28...../6...../2022.....

Phòng thi: 07-107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116020220	Nguyễn Thị Anh Phương	06/02/1993	Nữ	<u>5,8</u>	<u>5,3</u>	<u>5,6</u>	<u>001</u>	<u>ph</u>	Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 02 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Vĩnh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YKB phòng D71.103, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	116021006	Trần Ngọc Hiếu	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_001	DA21YKB	28	7	
2	116021007	Phạm Chí Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_002	DA21YKB	30	7.5	
3	116021008	Lê Văn Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_003	DA21YKB	27	6.75	
4	116021019	Phạm Quốc Thịnh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_004	DA21YKB	22	5.5	
5	116021023	Trần Nguyễn Hoàng Kim	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_005	DA21YKB	23	5.75	
6	116021036	Bùi Ngọc Anh Văn	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_006	DA21YKB	24	6	
7	116021040	Đoàn Thị Xuân Mai	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_007	DA21YKB	27	6.75	
8	116021041	Nguyễn Huỳnh Đô	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_008	DA21YKB	17	4.25	
9	116021046	Nguyễn Ngọc Trâm	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_009	DA21YKB	26	6.5	
10	116021048	Đỗ Ngọc Duyên	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_010	DA21YKB	26	6.5	
11	116021052	Trương Khánh Văn	2001	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_011	DA21YKB	26	6.5	
12	116021067	Nguyễn Mỹ Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_012	DA21YKB	21	5.25	
13	116021074	Bùi Xuân Vũ	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_013	DA21YKB	22	5.5	
14	116021081	Trịnh Đức Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_014	DA21YKB	21	5.25	
15	116021082	Châu Nguyễn Tường Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_015	DA21YKB	33	8.25	
16	116021095	Trần Thị Hoàng Oanh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_016	DA21YKB	25	6.25	
17	116021100	Quảng Nữ Hằng Nga	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_017	DA21YKB	22	5.5	
18	116021107	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_018	DA21YKB	26	6.5	
19	116021108	Cao Vãng Diễm Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_019	DA21YKB	28	7	
20	116021116	Trần Minh Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.103-T280622_020	DA21YKB	30	7.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết Học Mac - Lênin, lớp DA21YHDPB phòng D71.110, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	118321119	Nguyễn Nhật Hằng	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_001	DA21YHDPB	20	5	
2	118321120	Danh Mỹ Hoa	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_002	DA21YHDPB	22	5.5	
3	118321124	Châu Thái Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_003	DA21YHDPB	15	3.75	
4	118321128	Trương Thị Cẩm Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_004	DA21YHDPB	24	6	
5	118321129	Sơn Thị Thu Thắm	2002	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_005	DA21YHDPB	23	5.75	
6	118321130	Giáp Thị Vàng Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_006	DA21YHDPB	22	5.5	
7	118321131	Nguyễn Duy Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_007	DA21YHDPB	26	6.5	
8	118321134	Nguyễn Ngọc Trúc Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_008	DA21YHDPB	18	4.5	
9	118321135	Lê Thanh Thiên	1990	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_009	DA21YHDPB	0	0	
10	118321136	Trần Lê Trung Kiên	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_010	DA21YHDPB	18	4.5	
11	118321137	Nguyễn Thị Thùy Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_011	DA21YHDPB	15	3.75	
12	118321138	Lê Thị Thanh Mỹ	2002	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_012	DA21YHDPB	28	7	
13	118321139	Phan Thị Thúy Liễu	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_013	DA21YHDPB	26	6.5	
14	118321144	Nguyễn Thị Kim Đan	1998	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_014	DA21YHDPB	23	5.75	
15	118321145	Lê Hoàng Phúc	1993	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_015	DA21YHDPB	30	7.5	
16	118321146	Vũ Nhật Khánh	1990	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_016	DA21YHDPB	14	3.5	
17	118321148	Lê Thành Trung	1991	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_017	DA21YHDPB	17	4.25	
18	118321151	Bùi Trúc Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_018	DA21YHDPB	15	3.75	
19	118321152	Nguyễn Thị Kiều Tiên	1997	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_019	DA21YHDPB	21	5.25	
20	118321153	Nguyễn Ý Phi	1993	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.110-T280622_020	DA21YHDPB	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YKA phòng D71.109, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	116021345	Lâm Thúy Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_001	DA21YKA	32	8	
2	116021346	Trương Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_002	DA21YKA	29	7.25	
3	116021348	Lê Quốc Trường	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_003	DA21YKA	29	7.25	
4	116021351	Bùi Nguyễn Phương Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_004	DA21YKA	33	8.25	
5	116021352	Nguyễn Tấn Lợi	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_005	DA21YKA	32	8	
6	116021355	Phan Chí Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_006	DA21YKA	34	8.5	
7	116021356	Phạm Huỳnh Hữu Luân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_007	DA21YKA	26	6.5	
8	116021368	Trần Minh Quang	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_008	DA21YKB	25	6.25	
9	116021369	Nguyễn Quang Nhã	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_009	DA21YKB	27	6.75	
10	116021375	Chiêm Hoàng Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_010	DA21YKB	27	6.75	
11	116021376	Phan Yến Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_011	DA21YKB	23	5.75	
12	116021377	Đào Thị Ngọc Lan	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_012	DA21YKB	22	5.5	
13	116021378	Trương Thuý Như	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_013	DA21YKB	25	6.25	
14	116021379	Phan Hoàng Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_014	DA21YKB	24	6	
15	116021380	Nguyễn Hồng Ngọc	2002	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_015	DA21YKB	23	5.75	
16	116021381	Nguyễn Ân Thiên	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.109-T280622_016	DA21YKB	20	5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết Học Mac - Lênin, lớp DA21YHDPB phòng D71.108, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	118321156	Ngô Ngọc Xuân Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_001	DA21YHDPB	23	5.75	
2	118321158	Đoàn Thị Mỹ Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_002	DA21YHDPB	23	5.75	
3	118321159	Kim Ngọc Vân Ý	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_003	DA21YHDPB	0	0	
4	118321162	Phạm Văn Soàn	1991	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_004	DA21YHDPB	0	0	
5	118321163	Bùi Thủy Liên	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_005	DA21YHDPB	15	3.75	
6	118321167	Bùi Cao Bảo Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_006	DA21YHDPB	19	4.75	
7	118321169	Thân Trung Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_007	DA21YHDPB	0	0	
8	118321172	Nguyễn Lê Trọng Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_008	DA21YHDPB	17	4.25	
9	118321173	Nguyễn Lê Đại Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_009	DA21YHDPB	22	5.5	
10	118321176	Lê Thị Diễm Trinh	1992	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.108-T280622_010	DA21YHDPB	12	3	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YHDPB phòng D71.107, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	116020220	Nguyễn Thị Anh Phương	1993	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_001	DA20YKI	21	5.25	
2	118321010	Đặng Hoàng Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_002	DA21YHDPB	17	4.25	
3	118321015	Huỳnh Ngọc Yến Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_003	DA21YHDPB	20	5	
4	118321037	Huỳnh Kim Thoa	1992	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_004	DA21YHDPB	0	0	
5	118321054	Bùi Minh Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_005	DA21YHDPB	22	5.5	
6	118321056	Nguyễn Phú Sĩ	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_006	DA21YHDPB	27	6.75	
7	118321059	Lương Thị Yến Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_007	DA21YHDPB	0	0	
8	118321065	Nguyễn Thị Kiều Trang	1990	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_008	DA21YHDPB	0	0	
9	118321070	Nguyễn Quang Triết	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_009	DA21YHDPB	19	4.75	
10	118321076	Nguyễn Ngọc Đẹp	1987	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_010	DA21YHDPB	20	5	
11	118321078	Lương Thị Trúc Phương	1993	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_011	DA21YHDPB	20	5	
12	118321081	Nguyễn Hồng Bằng	1990	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_012	DA21YHDPB	23	5.75	
13	118321083	Đổng Nguyễn Thành Trung	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_013	DA21YHDPB	21	5.25	
14	118321085	Phạm Quốc Anh	1994	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_014	DA21YHDPB	0	0	
15	118321087	Mai Thị Nữ	1990	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_015	DA21YHDPB	18	4.5	
16	118321093	Trần Thị Cẩm Tiên	1994	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_016	DA21YHDPB	20	5	
17	118321096	Lê Hải Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_017	DA21YHDPB	18	4.5	
18	118321097	Lâm Trung Xuyên	1993	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_018	DA21YHDPB	0	0	
19	118321098	Lê Chí Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_019	DA21YHDPB	0	0	
20	118321105	Nguyễn Hoài Trúc	2002	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_020	DA21YHDPB	0	0	
21	118321112	Lương Phương Thảo	2002	LLCT-THM-L-DA21YHDPB-D71.107-T280622_021	DA21YHDPB	19	4.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YKA phòng D71.106, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	116021120	Nguyễn Trọng Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_001	DA21YKA	20	5	
2	116021149	Lâm Thập Hiệp	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_002	DA21YKA	26	6.5	
3	116021163	Huỳnh Nguyên Gia Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_003	DA21YKA	30	7.5	
4	116021164	Nguyễn Lê Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_004	DA21YKA	22	5.5	
5	116021170	Võ Thị Huyền Như	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_005	DA21YKA	30	7.5	
6	116021174	Nguyễn Phan Tâm Gia	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_006	DA21YKA	23	5.75	
7	116021177	Nguyễn Thanh Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_007	DA21YKA	23	5.75	
8	116021181	Nguyễn Phương Thắng	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_008	DA21YKA	29	7.25	
9	116021189	Nguyễn Thị Vân Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_009	DA21YKA	31	7.75	
10	116021203	Dương Quốc Đại	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_010	DA21YKA	0	0	
11	116021217	Trần Đức Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_011	DA21YKA	28	7	
12	116021222	Nguyễn Tấn Đạt	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_012	DA21YKA	0	0	
13	116021224	Nguyễn Anh Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_013	DA21YKA	26	6.5	
14	116021229	Nguyễn Hồng Như	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_014	DA21YKA	24	6	
15	116021239	Phan Anh Lộc	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_015	DA21YKA	30	7.5	
16	116021329	Trương Thị Kim Phượng	2002	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_016	DA21YKA	20	5	
17	116021332	Đoàn Thị Mỹ Xuyên	2002	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_017	DA21YKA	26	6.5	
18	116021339	Đỗ Phạm Trúc Quỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_018	DA21YKA	25	6.25	
19	116021340	Nguyễn Khánh Tam	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_019	DA21YKA	20	5	
20	116021341	Châu Bảo Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.106-T280622_020	DA21YKA	18	4.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YKA phòng D71.105, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	116021002	Huỳnh Trung Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_001	DA21YKA	22	5.5	
2	116021004	Đoàn Thị Thanh Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_002	DA21YKA	18	4.5	
3	116021009	Phạm Thị Thu Truyền	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_003	DA21YKA	29	7.25	
4	116021011	Thạch Trung Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_004	DA21YKA	24	6	
5	116021013	Dương Gia Thịnh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_005	DA21YKA	18	4.5	
6	116021016	Trần Thị Cẩm Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_006	DA21YKA	31	7.75	
7	116021020	Võ Ánh Thy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_007	DA21YKA	21	5.25	
8	116021032	Trần Ngọc Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_008	DA21YKA	30	7.5	
9	116021034	Đặng Văn Công	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_009	DA21YKA	29	7.25	
10	116021055	Bùi Nguyễn Việt Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_010	DA21YKA	17	4.25	
11	116021063	Trần Trung Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_011	DA21YKA	26	6.5	
12	116021064	Danh Thị Bích Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_012	DA21YKA	19	4.75	
13	116021068	Thị Kim Ngân	2002	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_013	DA21YKA	23	5.75	
14	116021073	Hồ Anh Kiệt	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_014	DA21YKA	27	6.75	
15	116021075	Đỗ Quốc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_015	DA21YKA	16	4	
16	116021076	Trần Ngọc Yến Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_016	DA21YKA	21	5.25	
17	116021078	Trần Tú Khanh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_017	DA21YKA	22	5.5	
18	116021088	Nguyễn Thị Trúc Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_018	DA21YKA	22	5.5	
19	116021091	Nguyễn Thị Yến Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_019	DA21YKA	25	6.25	
20	116021102	Phan Ngọc Thiên	2003	LLCT-THM-L-DA21YKA-D71.105-T280622_020	DA21YKA	23	5.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21YKB phòng D71.104, buổi Tối ngày 28/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	116021121	Đặng Quốc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_001	DA21YKB	25	6.25	
2	116021141	Phạm Xuân Huỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_002	DA21YKB	24	6	
3	116021159	Bùi Ngọc Thanh Xuân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_003	DA21YKB	28	7	
4	116021160	Dương Minh Trâm Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_004	DA21YKB	32	8	
5	116021167	Hồ Nhật Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_005	DA21YKB	25	6.25	
6	116021182	Trần Hồng Chương	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_006	DA21YKB	32	8	
7	116021185	Nguyễn Bùi Trúc Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_007	DA21YKB	30	7.5	
8	116021196	Trương Gia Lạc	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_008	DA21YKB	25	6.25	
9	116021197	Trần Minh Thuận	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_009	DA21YKB	29	7.25	
10	116021209	Diệp Thanh Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_010	DA21YKB	31	7.75	
11	116021211	Dương Thị Kim Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_011	DA21YKB	26	6.5	
12	116021216	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_012	DA21YKB	23	5.75	
13	116021221	Lê Ngọc Diễm	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_013	DA21YKB	24	6	
14	116021223	Lê Phương Đình	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_014	DA21YKB	26	6.5	
15	116021232	Trương Thị Huyền Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_015	DA21YKB	29	7.25	
16	116021338	Huỳnh Vương Tổ Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_016	DA21YKB	0	0	
17	116021349	Phan Thái Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_017	DA21YKB	33	8.25	
18	116021354	Võ Thị Ngọc Tuyền	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_018	DA21YKB	24	6	
19	116021357	Lê Thị Thu Ngân	2002	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_019	DA21YKB	25	6.25	
20	116021360	Phạm Đỗ Thiên Ân	2003	LLCT-THM-L-DA21YKB-D71.104-T280622_020	DA21YKB	23	5.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2